

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 16/2024/DS - ST

Ngày: 11/4/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh;

Bà Lê Nhật Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXX ST-DS ngày 01/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Diệu H**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đậu Văn C**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương**, theo Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2024.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1984 và ông **Nguyễn Tùng L**, sinh năm 1980; địa chỉ: **Ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Đậu Văn C** trình bày: Ngày 29/4/2020, bà **Võ Thị Diệu H** cho vợ chồng ông **Nguyễn Tùng L** và bà **Trần Thị H1** vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/4/2020 đến 29/10/2020, lãi suất 20%/năm, tương đương với 1,667%/tháng. Việc cho vay được lập thành Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020, có ký nhận, lăn tay của ông **L** và bà **H1**. Từ sau khi

nhận tiền vay, ông L và bà H1 không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận mặc dù bà H đã nhắc nhiều lần. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà H1 liên đới thanh toán 200.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi theo lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 30/4/2020 đến khi vụ án được xét xử xong bằng bản án, quyết định, tạm tính là 40 tháng với tiền lãi là 133.600.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà H1 liên đới trả là 333.600.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 30/01/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Tùng L trình bày: Ông L thừa nhận ông và bà H1 có vay 200.000.000 đồng của bà H theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020 chưa trả; về tiền lãi thì hàng tháng vợ chồng ông đều trả lãi cho bà H, đến khoảng tháng 11, 12/2023 do gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ nên vợ chồng ông ngưng trả lãi. Do gặp khó khăn về tài chính nên ông L xin trả dần nợ gốc 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ, không đồng ý trả lãi vì đã trả lãi cho bà H rất nhiều. Ông L đề nghị cho ông thời gian để tìm chứng cứ chứng minh ông trả lãi cho bà H nhưng không cung cấp.

Văn bản trình bày ý kiến ngày 10/4/2024, đại diện nguyên đơn ông Đậu Văn C trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 200.000.000 đồng, về nợ lãi thì chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 100.000.000 đồng nợ lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và hướng giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà H cho ông L và bà H1 vay 200.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020; ông L thừa nhận vợ chồng ông vay của bà H 200.000.000 đồng chưa trả nợ gốc, còn nợ lãi thì có trả nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà H1 liên đới thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng vay là có căn cứ chấp nhận; tiền lãi bà H yêu cầu Tòa án giải quyết thấp hơn số tiền lãi ông L và bà H1 phải chịu theo hợp đồng vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H khởi kiện ông L và bà H1 về việc yêu cầu thanh toán nợ vay. Ông L và bà H1 hiện cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Ông **L** và bà **H1** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa ngày và ngày 11/4/2024 nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Ngày 29/4/2020, bà **H** cho ông **L** và bà **H1** vay 200.000.000 đồng. Việc cho vay thể hiện qua Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020. Bên vay và bên cho vay đều thừa nhận điều này, chưa trả nợ gốc, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tiền lãi được ghi nhận trong Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020 là 20%/năm tương đương với 1,67%/tháng, ông **L** khai rằng đã trả lãi cho bà **H** số tiền 20 triệu đồng 1 tháng, tiền lãi đã được vợ chồng ông **L** trả liên tục từ sau khi vay đến khoảng tháng 11, 12/2023, do gặp khó khăn về tài chính nên ngưng. Tuy nhiên, ông **L** và bà **H1** không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Ông **L** và bà **H1** vay tiền từ ngày 29/4/2020, tiền lãi từ ngày 29/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/4/2024 là 3 năm 11 tháng 12 ngày. Tiền lãi theo lãi suất 20%/năm của Hợp đồng vay từ ngày 29/4/2020 đến 11/4/2024; từ ngày 30/10/2020 là ngày tính lãi quá hạn do hết thời hạn vay, do các bên không thỏa thuận tiền lãi chậm trả nên căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật quy định: Lãi suất giới hạn không được vượt quá 20%. Như vậy, tiền lãi được tính cho cả thời gian vay là 20%/năm. 20.000.000 đồng x 20%/năm trong thời gian 3 năm 11 tháng 12 ngày là 158.000.000 đồng. Nguyên đơn và người đại diện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán nợ lãi 100.000.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn; trong phạm vi nghĩa vụ ông **L** và bà **H1** phải chịu theo quy định của pháp luật và có lợi cho ông **L**, bà **H1** nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông **L** và bà **H1** là vợ chồng, cùng vay tiền và cùng ký tên, lăn tay vào Giấy vay tiền, do đó, ông **L** và bà **H1** có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho bà **H** theo Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, ý kiến của bị đơn chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Thị Diệu H** đối với bị ông **Nguyễn Tùng L** và bà **Trần Thị H1** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2020.

Ông **Nguyễn Tùng L** và bà **Trần Thị H1** có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà **Võ Thị Thu H2** 300.000.000 đồng trong đó có 200.000.000 đồng nợ gốc và 100.000.000 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà **Võ Thị Diệu H** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông **Nguyễn Tùng L** và bà **Trần Thị H1** chậm trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Tùng L** và bà **Trần Thị H1** phải nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà **Võ Thị D** Hà 8.340.000 (Tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010568 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huệ